



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Cao đẳng - Đợt 5-Tháng 12/2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/03/2017 về việc quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 27 (Hai mươi sáu) bằng Cử nhân thực hành Dịch vụ thương mại hàng không, 08 (Bảy) bằng Cử nhân thực hành Kiểm tra an ninh hàng không, 03 (Ba) bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay; 01 (Một) bằng Kỹ sư thực hành Kỹ thuật điện tử tàu bay; 04 (Bốn) bằng Kỹ sư thực hành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, 12 (Mười hai) bằng Kỹ sư thực hành Kiểm soát không lưu cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Cao đẳng - Đợt 5-Tháng 12/2022 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

-Như điều 2;

-Lưu VT,ĐT



TS. Nguyễn Thanh Dũng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - ĐỢT 5-Tháng 12/2022
(Đính kèm quyết định số: 4189 /QĐ-HVHKVN ngày 30/12/2022)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1813120009	Tô Anh	Đài	06/05/2000	18CĐĐV01	2.15	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
2	1813120025	Nguyễn Ngọc Vi	Thảo	01/01/1996	18CĐĐV01	2.16	Trung bình	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
3	1913120009	Nguyễn Ngọc Trang	Đài	23/01/2001	19CĐĐV01	2.62	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
4	1913120024	Lương Trần Gia	Huy	20/02/2000	19CĐĐV01	2.68	Khá	Công nghệ KT điện tử, truyền thông-CĐ
5	1711150034	Nguyễn Thành	Đạt	26/04/1998	17CĐTM01	3.12	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
6	1711150017	Huỳnh Thùy	Dương	21/01/1999	17CĐTM01	2.53	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
7	1711150041	Phan Bảo	Duy	21/08/1999	17CĐTM01	2.46	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
8	1711150039	Nhan Thị Trúc	Linh	09/02/1999	17CĐTM01	2.87	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
9	1711150016	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Minh	26/09/1999	17CĐTM01	3.34	Giỏi	Dịch vụ thương mại hàng không
10	1711150009	Diêm Đăng	Quân	25/06/1998	17CĐTM01	2.66	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
11	1711150033	Nguyễn Thanh	Thiên	16/05/1999	17CĐTM01	2.62	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
12	1711150042	Tạ Ngọc Anh	Thư	19/07/1999	17CĐTM01	2.74	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
13	1711150022	Lê Thị Kim	Tuyển	14/06/1999	17CĐTM01	2.71	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
14	1811150032	Thái Thanh	Quy	01/07/2000	18CĐTM01	2.22	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
15	1811150099	Châu Tuyển	Hiệp	03/11/2000	18CĐTM02	2.26	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
16	1811150137	Ngô Ái	Linh	24/10/2000	18CĐTM03	2.72	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
17	1811150106	Huỳnh Thị Kim	Thoa	10/04/2000	18CĐTM03	2.96	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
18	1911150009	Nguyễn Thị Hồng	Hân	29/07/2001	19CĐTM01	2.5	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
19	1911150040	Lê Văn	Hoan	15/10/2001	19CĐTM01	2.23	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
20	1911150034	Trần Vĩ	Khang	15/05/2000	19CĐTM01	3.18	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
21	1911150004	Trần Hoàng	Mai	18/02/1999	19CĐTM01	2.61	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
22	1911150041	Võ Phương	Quý	02/01/2001	19CĐTM01	2.74	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
23	1911150042	Đào Nguyễn Phương	Quỳnh	07/07/2001	19CĐTM01	2.8	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
24	1911150030	Dương Hồ Phương	Thanh	07/01/2000	19CĐTM01	2.45	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
25	1911150003	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	07/05/1999	19CĐTM01	2.98	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
26	1911150070	Nguyễn Huỳnh Thục	Anh	16/05/2001	19CĐTM02	2.56	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
27	1911150059	Nguyễn Hồng	Ngọc	21/11/2001	19CĐTM02	2.3	Trung bình	Dịch vụ thương mại hàng không
28	1911150111	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	10/12/2001	19CĐTM03	2.89	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
29	1911150101	Võ Hoàng Yến	Phương	04/12/2001	19CĐTM03	2.71	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
30	1911150121	Nguyễn Hoàng	Tuấn	11/05/2000	19CĐTM03	2.54	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
31	1711210003	Dang Mc Cormick	Shane	02/12/1999	17CĐKL01	2.3	Trung bình	Kiểm soát không lưu
32	1811210055	Danh	Đô	10/09/2000	18CĐKL01	2.97	Khá	Kiểm soát không lưu
33	1911210004	Trần Thị Thúy	An	25/11/1996	19CĐKL01	3.47	Giỏi	Kiểm soát không lưu
34	1911210009	Lê Thiên	Ân	16/01/2001	19CĐKL01	3.34	Giỏi	Kiểm soát không lưu
35	1811210031	Nguyễn Bá	Hoàng	12/02/2000	19CĐKL01	3.09	Khá	Kiểm soát không lưu
36	1911210036	Nguyễn Thị Thu	Hồng	02/12/2001	19CĐKL01	3.33	Giỏi	Kiểm soát không lưu
37	1911210018	Phạm Thị	Loan	02/03/2001	19CĐKL01	3.38	Khá	Kiểm soát không lưu
38	1911210043	Trịnh Uyên	Nhi	03/04/2001	19CĐKL01	3.13	Khá	Kiểm soát không lưu
39	1911210025	Phạm Hồng	Quân	21/11/2001	19CĐKL01	2.87	Khá	Kiểm soát không lưu
40	1911210020	Đặng Lê Hồng	Thái	19/11/2001	19CĐKL01	2.97	Khá	Kiểm soát không lưu
41	1911210032	Lê Thu	Thảo	14/10/2000	19CĐKL01	3.5	Giỏi	Kiểm soát không lưu
42	1911210028	Trần Quốc Minh	Tú	07/12/2001	19CĐKL01	2.79	Khá	Kiểm soát không lưu
43	1711010031	Nguyễn Thanh	Khang	21/10/1997	17CĐAN01	2.25	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
44	1711010057	Trịnh Duy	Khang	10/12/1999	17CĐAN01	2.57	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
45	1711010025	Nguyễn Đình	Thiêm	06/04/1994	17CĐAN01	2.59	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
46	1711010041	Phạm Thị Phương	Thoa	13/08/1998	17CĐAN01	2.24	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
47	1711010040	Phạm Lê Hiếu	Trung	08/02/1995	17CĐAN01	2.62	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
48	1711010030	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	10/09/1998	17CĐAN01	2.57	Khá	Kiểm tra an ninh hàng không
49	1811010020	Nguyễn Minh	Trung	27/09/2000	18CĐAN01	2.2	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không
50	1711020019	Nguyễn Tiến	Duy	02/12/1998	17CĐCK01	2.43	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay-



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
51	1711020006	Huỳnh Hoàng	Long	03/05/1996	17CĐCK01	2.36	Trung bình	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
52	1910000035	Trương Thái Minh	Hung	05/08/2001	19CĐCK01	2.87	Khá	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay
53	1812090009	Đỗ Biên	Thiện	17/09/2000	18CĐĐT01	2.25	Trung bình	Kỹ thuật điện tử tàu bay
54	1711150020	Lê Lý Vân	Đan	12/08/1999	17CĐTM01	2.76	Khá	Dịch vụ thương mại hàng không
55	1711010016	Lê Thành	Đạt	15/09/1999	17CĐAN01	2.13	Trung bình	Kiểm tra an ninh hàng không

Tổng cộng danh sách này có **55** sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

✓

